

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 246/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 11-6-2026.
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thu Vân;

Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Hồng Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thúy An – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 396/2026/HNGĐ – ST ngày 16 tháng 4 năm 2026 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 225/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/5/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 160/2026/QĐST-HNGĐ ngày 05/6/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần M, sinh năm 1962; địa chỉ thường trú: B, khu phố B, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963; địa chỉ thường trú: B, khu phố B, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện nguyên đơn ông Trần M trình bày: Ông Trần M và bà Nguyễn Thị T quen nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Dương (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh) theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 29/1998 ngày 07 tháng 02 năm 1998 trên cơ sở tự nguyện.

Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc và yêu thương nhau. Tuy nhiên, một khoảng thời gian sau, vợ chồng thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn, cãi nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Ông Trần M và bà Nguyễn Thị T đã ly thân. Hiện tại, ông M xác định không còn tình cảm vợ chồng với bà T. Do mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên ông Trần M yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 (hai) con chung tên là Trần Thu O, sinh ngày 22/01/1991, và ông Trần Minh T1, sinh ngày 24/7/2005. Hiện các con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bao gồm: tài liệu, chứng cứ về nhân thân, nơi cư trú của nguyên đơn, bị đơn, giấy chứng nhận kết hôn (bản chính).

Bị đơn bà Nguyễn Thị T: đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án. Tuy nhiên, bị đơn đều vắng mặt không lý do, không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào. Bị đơn vắng mặt không có lý do lần thứ hai.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến trước phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về phần thủ tục, Kiểm sát viên không có kiến nghị khắc phục gì thêm.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Trần M có đơn khởi kiện xin ly hôn với bà Nguyễn Thị T. Bị đơn bà Nguyễn Thị T có nơi thường trú tại số B, khu phố B, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “tranh chấp ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn. Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng và tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: ông Trần M với bà Nguyễn Thị Tình tự N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Dương (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh) theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 29/1998 ngày 07/02/1998 là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về mâu thuẫn vợ chồng: ông Trần Minh xác Đ mâu thuẫn xảy ra giữa ông và bà Nguyễn Thị T đã trầm trọng, nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và đã ly thân từ tháng 01/2026 cho đến nay. Ông Trần Minh xác Đ hiện tại ông M không còn sinh sống tại địa chỉ B, khu phố B, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh, không còn sống chung với bà Nguyễn Thị T, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Xét, trong hôn nhân vợ chồng phải thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng trong quan hệ vợ chồng thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp. Tuy nhiên, quan hệ hôn nhân giữa ông Trần M và bà Nguyễn Thị T không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Ông Trần Minh xác Đ không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Quá trình tố tụng, Tòa án đã triệu tập bà Nguyễn Thị T nhiều lần để tham gia làm việc, hòa giải và các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng bà Nguyễn Thị T vẫn không đến Tòa để hòa giải, không có bất kỳ ý kiến nào đưa ra về việc mong muốn gia đình đoàn tụ. Do đó, bà T đã từ bỏ quyền trình bày của mình được pháp luật bảo vệ. Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xác định tình trạng hôn nhân giữa ông Trần M và bà Nguyễn Thị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần M.

[2.2]. Về con chung: Quá trình chung sống, ông Trần M và bà Nguyễn Thị T có 02 (hai) con chung tên là Trần Thu O, sinh ngày 22/01/1991, và Trần Minh T1, sinh ngày 24/7/2005. Các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần M.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[3]. Về án phí: ông Trần M là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 269, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 51, 56, 57 và Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần M đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T về việc “Ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: ông Trần M được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

- Về con chung: Do các con đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2. Về án phí: ông Trần M được miễn án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân thị trấn Lái Thiêu, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương (nay là phường Lái Thiêu, Thành phố Hồ Chí Minh);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thu Thảo